

NOTED

18/12 ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SON LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 555/BC-UBND

Son La, ngày 16 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường
kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019 trên địa bàn tỉnh Sơn La với các nội dung chính như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Sơn La đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao, coi việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên thực hiện trong năm 2019. Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP hướng dẫn của các bộ đầu mối về các bộ chỉ số, nhóm chỉ số, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 82/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính Phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Theo đó đã xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp triển khai phù hợp với điều kiện của địa phương, phân công cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện cải thiện các chỉ số, nhóm chỉ số thành phần trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy Sơn La đã ban hành Thông báo số 121/TB-VPUB ngày 24/4/2019 đánh giá, kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Sơn La năm 2018, các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chỉ đạo thực hiện năm 2019.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải thiện các nhóm chỉ số và chỉ số thành phần

2.1. Về cải thiện Môi trường kinh doanh theo Ngân hàng thế giới

Thời gian thành lập doanh nghiệp 02 ngày; Thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 02 ngày; Thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh 03 ngày; Tỷ lệ đăng ký qua mạng điện tử (năm 2016 đạt 0.23%; năm 2017 đạt 23,6%; năm 2018 đạt 52%) năm 2019 đăng ký qua mạng điện tử đạt 90%, giải quyết đúng hạn 100% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng. Trong năm 2019 ước tiếp nhận và xử lý

466 thủ tục hành chính, lũy kế đến hết tháng 11 năm 2019 tiếp nhận và xử lý 1.733 hồ sơ trong đó: 1307 hồ sơ đăng ký qua mạng (đạt 76%), 426 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp chiếm 24%.

Ngành thuế tiếp tục thực hiện ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS) đối với 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Các thủ tục hành chính thuế từ công tác: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, quyết toán thuế, nộp thuế và hoàn thuế đều áp dụng bằng hình thức điện tử. Kết quả đến thời điểm báo cáo đã có: 100% doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử; 95% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử; 100% hồ sơ đề nghị hoàn thuế được giải quyết bằng hình thức điện tử, ước tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công, tổng số hồ sơ tiếp nhận 13.453 lượt hồ sơ đã giải quyết 13.453 lượt hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước, đúng hạn đạt 100%, không có hồ sơ quá hạn. Về tốc độ xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính về: Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế. Đảm bảo 100% công việc hoàn thành đúng thời gian, trong đó trên 85% công việc giải quyết trước thời gian quy định. Đặt mục tiêu giảm thời gian nộp thuế xuống còn dưới 119 giờ trong nhóm chỉ số nộp thuế và bảo hiểm xã hội nhằm góp phần cải thiện môi trường kinh doanh để năm 2019 tăng thêm từ 8-18 bậc trên bảng xếp hạng của Ngân hàng thế giới.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với các sở ngành liên quan ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và giải quyết trong cấp phép xây dựng trong đó giảm trên 30% thời gian thủ tục hành chính bao gồm các bước: Phê duyệt quy hoạch, thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy, kết nối điện nước, cấp thoát nước theo phương pháp xác định của ngân hàng thế giới. Riêng thủ tục cấp giấy phép xây dựng đã giảm được 50% thời gian thực hiện (từ 30 ngày xuống còn 15 ngày) đảm bảo cam kết của UBND tỉnh với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, vượt lộ trình của tỉnh tới năm 2020.

Tiếp tục thực hiện minh bạch công khai quy trình xử lý các thủ tục hành chính, kiên quyết xử lý các công chức vi phạm quy trình xử lý hồ sơ, gây phiền hà cho nhân dân. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La thực hiện nghiêm các giải pháp về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng, đảm bảo chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng trên địa bàn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đảm bảo an sinh xã hội. Đến 31/10/2019, tổng nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 18.789 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 1.469 tỷ đồng (+ 8,48%); tổng dư nợ cho vay là 36.275 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 2.312 tỷ đồng (+ 6,81%); tổng nợ xấu 237 tỷ đồng, tỷ lệ 0,65% tổng dư nợ, so với 31/12/2018 giảm 3 tỷ đồng.

Trong năm, NHNN đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với một số ngành, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như tín dụng trung dài hạn, tín dụng đối với nhóm khách hàng lớn, tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản; chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện có

hiệu quả các chương trình tín dụng của Chính phủ, của NHNN Việt Nam gắn với thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La, trong đó tập trung đẩy mạnh tín dụng chính sách xã hội, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn - đặc biệt khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã. Kết quả cụ thể như sau: Cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ: Dư nợ 19.063 tỷ đồng, chiếm 52,55% so với tổng dư nợ, so với 31/12/2018 dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn tăng 607 tỷ đồng (+ 3,29%); Dư nợ cho vay doanh nghiệp là 12.940 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 629 tỷ đồng, tốc độ tăng 5,11%. Trong đó, dư nợ cho vay đối với DNNVV là 7.069 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 719 tỷ đồng. Số doanh nghiệp đang vay vốn còn dư nợ tại ngân hàng là 557 doanh nghiệp, trong đó số DNNVV đang vay vốn 498; Cho vay đối với kinh tế tập thể là 28 tỷ đồng với 18 hợp tác xã, không thay đổi so với 31/12/2018; cho vay thành viên hợp tác xã 129 tỷ đồng, 314 thành viên đang vay vốn, so với 31/12/2018 tăng 51 tỷ đồng; Dư nợ cho vay các đối tượng chính sách đạt 4.323 tỷ đồng, tăng 364 tỷ đồng so với 31/12/2018 (+ 9,19%). Dư nợ cho vay từng chương trình cụ thể như sau: Cho vay hộ nghèo 1.907 tỷ đồng; giải quyết việc làm 177 tỷ đồng; xuất khẩu lao động 2 tỷ đồng; nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn 425 tỷ đồng; hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn 33 tỷ đồng; học sinh sinh viên 7 tỷ đồng; hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn 630 tỷ đồng; hộ thương nhân vùng khó khăn 8 tỷ đồng; hộ nghèo về nhà ở 225 tỷ đồng; hộ cận nghèo 530 tỷ đồng; hộ mới thoát nghèo 213 tỷ đồng; trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi 34 tỷ đồng; hộ dân tộc thiểu số theo QĐ 2085 là 55 tỷ đồng; hộ dân tộc thiểu số theo QĐ 755 là 59 tỷ; các chương trình khác 18 tỷ đồng; Cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch: Dư nợ 216 tỷ đồng (NHNo&PTNT: 99 tỷ đồng, NHTMCP Bưu điện Liên Việt: 117 tỷ đồng) với mức lãi suất phổ biến là 7-8%/năm, tăng so với 31/12/2018 là 39 tỷ đồng (+ 22,03%).

UBND tỉnh ban hành Quy định một cửa liên thông giữa Cơ quan nhà nước và Điện lực trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Sơn La (Quyết định 2130/QĐ-UBND ngày 29/8/2019). Trong đó thực hiện công khai quy trình thủ tục đảm bảo duy trì thời gian tiếp cận điện năng, đảm bảo chỉ tiêu tiếp cận điện năng tối đa 24 ngày.

Về thời gian xử lý, giải quyết hồ sơ, thủ tục đất đai duy trì thời gian đăng ký đất đai, đăng ký quyền sở hữu và sử dụng tài sản gắn liền với đất. Hiện tại theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La về công bố danh mục, thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La, thời gian đăng ký quyền sở hữu và sử dụng tài sản gắn liền với đất tối đa 18 ngày (*giảm 12 ngày so với quy định tại Khoản 40 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ*).

Thực hiện công khai các chủ trương, chính sách, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch chung xây dựng, các thông tin về ngân sách, mời thầu cho các tổ chức doanh nghiệp và người dân, công khai quy trình, thủ tục hành chính và các biểu mẫu hướng dẫn bằng nhiều hình thức: Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị, đưa lên trang thông tin điện tử. Tăng tính hữu ích của Cổng thông tin điện tử và website của tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố trong công khai minh bạch các loại thủ tục hành chính, quy trình, thời gian, mẫu đơn, mẫu tờ khai và lệ phí giúp cho các tổ chức, người dân và doanh nghiệp tiếp cận với thủ tục hành chính phải thực hiện.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố duy trì đường dây nóng, hộp thư góp ý để tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, xử lý nghiêm những cá nhân, cơ quan, đơn vị làm trái pháp luật và có quy định bằng văn bản về việc yêu cầu tất cả các kiến nghị/đề xuất của doanh nghiệp phải được trả lời cụ thể bằng văn bản (có thời hạn cụ thể) và công khai các kiến nghị và quá trình giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp trên các trang điện tử của sở, ngành và địa phương, kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, nhũng nhiễu, có thái độ cửa quyền, hống hách đối với các tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Trong năm đã tổ chức đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tại huyện Mộc Châu, đơn đốc giải quyết dứt điểm các kiến nghị của doanh nghiệp. Thực hiện khảo sát đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp đối với các hoạt động phục vụ của các cơ quan nhà nước, từ đó chỉ đạo các sở, ngành địa phương triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp.

2.2. Về thực hiện Chính phủ điện tử theo Liên hợp quốc

Công tác cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phục vụ các tổ chức, cá nhân (1.696/1.696 dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2; 331 dịch vụ Công trực tuyến mức độ 3; 79 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4); đồng thời thực hiện tốt các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 do cấp bộ, ngành, Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 74 dịch vụ; Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 68 dịch vụ). Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đã thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản liên thông trong quản lý điều hành và chuyển nhận văn bản địa tử giữa UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các xã phường, thị trấn. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 95%.

2.3. Về cải thiện xếp hạng Hiệu quả logistics theo Ngân hàng thế giới

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 19/7/2019 Nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Sơn La. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại cho dịch vụ logistic lồng ghép vào các hoạt động xúc tiến thương mại trong năm. Công khai mời gọi

các doanh nghiệp tham gia các sự kiện, triển lãm về logistic trong nước và quốc tế khi có thông tin mời gọi của các đơn vị tổ chức. Tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp, nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Sơn La, có cách hiểu đúng và thống nhất triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện đánh giá quá trình triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp, triển khai xúc tiến đầu tư vào các cụm công nghiệp, thực hiện công khai quỹ đất trong các cụm công nghiệp và phối hợp thông tin đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp biết, nghiên cứu đầu tư vào các cụm công nghiệp.

Tuyên truyền phổ biến cho các doanh nghiệp, nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ Logistics cũng như các tài liệu hướng dẫn của Bộ Công thương để các doanh nghiệp có cách hiểu đúng và thống nhất triển khai có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh.

2.4. Về các chỉ số theo xếp hạng Năng lực cạnh tranh du lịch theo Diễn đàn kinh tế thế giới

UBND tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan xây dựng cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, xử lý kịp thời đối với các trường hợp tiêu cực trong lĩnh vực du lịch và thường xuyên thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch. Tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu theo đúng quy hoạch và xứng tầm khu du lịch trọng điểm của Vùng Tây Bắc, có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, có chất lượng cao, thương hiệu mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh, có năng lực cạnh tranh với các tỉnh trong cả nước.

Triển khai các giải pháp phát triển thị trường, xúc tiến quảng bá và thương hiệu du lịch như tổ chức đón đoàn Farmtrip đến xúc tiến điểm đến du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; Tổ chức hội thảo cấp tỉnh về Giải pháp liên kết phát triển du lịch bền vững giữa vùng lòng hồ thủy điện Sơn La với Trung tâm thành phố Sơn La và khu du lịch Quốc gia Mộc Châu; Xuất bản 2000 tập gấp Du lịch Sơn La; biên tập và xuất bản 1800 postcard du lịch Sơn La; Xuất bản 1000 cuốn cẩm nang du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La. Xây dựng ấn phẩm quảng bá du lịch và giới thiệu phát triển sản phẩm du lịch trên các tạp chí du lịch Việt Nam với 03 chuyên đề: Tiềm năng du lịch Bắc Yên - Sơn La; Du lịch Biển hồ thủy điện Sơn La; Homestay A Chu - Thương hiệu điểm đến Asean. Đăng tải hình ảnh, bài viết lên trang thông tin điện tử du lịch tỉnh Sơn La, phân quyền du lịch Sơn La trên trang thông tin điện tử du lịch Tây Bắc.

2.5. Rà soát, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh, thực thi đầy đủ các quy định về điều kiện kinh doanh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, rà soát, đảm bảo thực thi đầy đủ điều kiện kinh doanh đã bị bãi bỏ, những nội dung được đơn giản hóa của các quy định về điều kiện

kinh doanh; không tự đặt thêm điều kiện kinh doanh trái quy định của pháp luật; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định mới về điều kiện kinh doanh và tự ý đặt ra các điều kiện, thủ tục gây khó khăn, phiền hà hặc cáo hành vi những nhiều, tiêu cực khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và các tổ chức. Nhiều nội dung đã và đang được triển khai thực hiện, trong đó tập trung vào thủ tục hành chính, thuận lợi hóa các hoạt động kinh doanh, giảm gánh nặng chi phí kinh doanh nói chung và chi phí tuân thủ pháp luật nói riêng cho doanh nghiệp. Đơn giản hóa mẫu biểu, tờ khai về đăng ký doanh nghiệp; giảm thành phần giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Thống nhất trình tự, thủ tục cấp phép dự án đầu tư có sử dụng đất, mặt nước, khu vực biên và xây dựng công trình theo hướng thống nhất không để nhà đầu tư không phải làm thủ tục nhiều lần, tại nhiều cơ quan. Đến nay các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đã thực hiện nghiêm nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư kinh doanh theo tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ và đảm bảo tuân thủ điều 7 Luật Đầu tư 2014 đã tham gia ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đơn giản hóa mẫu biểu, tờ khai về đăng ký doanh nghiệp, giảm thành phần hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh; xây dựng cơ chế liên thông về đăng ký thành lập doanh nghiệp, khai báo nộp thuế, khai báo lao động và khai báo đối tượng người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội. Về lĩnh vực xây dựng giảm 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, Sở Xây dựng đã xây dựng quy trình, trình tự, thời gian giảm thực hiện giấy phép xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về quy chế phối hợp giữa các sở quản lý xây dựng chuyên ngành, qua đó nhằm giảm bớt quy trình, thời gian quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp.

2.6. Về thực hiện kiểm tra chuyên ngành

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung và một số lĩnh vực chủ yếu như: Mua sắm công, xây dựng cơ bản; phân bổ dự toán; việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; quy định công khai các chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, thiết bị, phương tiện; các cơ quan, đơn vị có mối quan hệ giao dịch và thu phí đối với công dân như: Văn phòng Đăng ký QSD đất; Lĩnh vực Tư pháp; Cấp giấy phép xây dựng, cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đều thực hiện niêm yết công khai quy trình, thời gian tiếp nhận hồ sơ, mức thu phí để nhân dân, tổ chức doanh nghiệp biết và thực hiện.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Theo đó, mọi cuộc thanh tra đều phải có kế hoạch phải được thông báo trước cho cơ quan thanh tra tỉnh để sắp xếp và bố trí nhằm đạt 3 mục

tiêu: Giảm số lần và thời gian thanh tra; không thanh/kiểm tra trùng lặp; tăng tối đa số đoàn liên ngành, thay vì mỗi đơn vị tiến hành riêng lẻ. Điều này sẽ giúp DN giảm bớt được sự phiền hà, sách nhiễu, tốn kém chi phí.

2.7. Đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Dưới sự chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã chủ động, tích cực phối hợp triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; ứng dụng thanh toán điện tử phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 vào các lĩnh vực chi trả lương hưu, trợ cấp, bảo hiểm xã hội, thanh toán tiền điện, học phí, viện phí.

Đến thời điểm báo cáo, tổng số máy ATM trên địa bàn toàn tỉnh là 57 máy, tổng số điểm chấp nhận thẻ là (POS) là 182 điểm. Số khách hàng trả lương qua tài khoản là 59.214 khách hàng; số đơn vị thực hiện trả lương qua tài khoản là 1.445 đơn vị. Tổng số món thanh toán không dùng tiền mặt là 2.552.315 món với số tiền là 120.184 tỷ đồng, trong đó có 23.081 khách hàng thanh toán tiền điện qua tài khoản, số tiền 1.428 tỷ đồng; 12.492 khách hàng thanh toán tiền nước qua tài khoản, số tiền 119 tỷ đồng; 3.017 khách hàng thanh toán cước viễn thông qua tài khoản, số tiền 28 tỷ đồng; 35.898 món nộp thuế điện tử, số tiền 2.158 tỷ đồng.

- NHNN đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, quy định của NHNN và pháp luật liên quan trong hoạt động thanh toán, trung gian thanh toán. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn để khách hàng nắm rõ quy trình, thủ tục giao dịch, các loại rủi ro, thủ đoạn gian lận trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ. Chủ động theo dõi, phản hồi, xử lý kịp thời, đúng quy định, bảo đảm quyền lợi chính đáng và hợp pháp của khách hàng đối với các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động thanh toán điện tử.

2.8. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Các sở, ban, ngành tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong tình hình mới, thời cơ mới, vận hội mới theo xu thế hội nhập và cùng phát triển; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích các khu vực kinh tế tư nhân, nguồn lực trong tỉnh tham gia mạng lưới hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ - HĐND ngày 17/7/2019 về một số nội dung chủ yếu của Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2025”, trong đó có hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các trường Đại học, Trung tâm đào tạo... tổ chức Hội thảo về Cải cách thủ tục hành chính, khởi nghiệp, duy trì các hoạt động khởi nghiệp, đẩy mạnh thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ, du lịch.

Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các dự án, mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ. Năm 2019 tỉnh đã hỗ trợ 05 doanh nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ là 1,350 tỷ đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Tại Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ quy định các Bộ được phân công làm đầu mối theo dõi các bộ chỉ số và các Bộ, cơ quan được phân công chủ trì, chịu trách nhiệm đối với các nhóm chỉ số, chỉ số thành phần đến nay có một số Bộ, cơ quan được phân công chủ trì xây dựng tài liệu hướng dẫn để các cơ quan chuyên môn của tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện sát với thực tế.

Một số nhiệm vụ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ giao cho UBND cấp tỉnh như kết nối điện tử, kết nối các thủ tục về đăng ký doanh nghiệp với lao động và bảo hiểm hay rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp đòi hỏi cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện được do chưa có sự thống nhất, hướng dẫn của các cơ quan nhà nước cấp trên.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thúc đẩy mạnh mẽ việc nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020, UBND tỉnh Sơn La kiến nghị Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương một số nội dung như sau:

- Đề nghị Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến thực thi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014, Luật Phá sản năm 2014 để đẩy nhanh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian.

- Văn phòng Chính phủ sớm chỉ đạo Công dịch vụ công Quốc gia; kết nối với Cổng thông tin một cửa Quốc gia, Công dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa cấp bộ, cấp tỉnh và cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối điện tử trong việc giải quyết các thủ tục hành chính từ Trung ương đến địa phương; đưa công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước, xử lý và giải quyết các thủ tục hành chính, thực hiện công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước qua môi trường mạng.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phải lấy doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường vai trò nghiên cứu của các trường đại học; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ các chương trình khoa học trọng điểm, các nghiên cứu cấp bộ và hoạt động của các viện nghiên cứu nhà nước; khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu tư nhân, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thực hiện các giải pháp vận động, khuyến khích phát triển người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt với mục tiêu đạt 50% số người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, mai táng phí, tử tuất,... sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt ở khu vực đô thị.

- Các Bộ, ngành làm đầu mối của các chỉ số sớm xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn để địa phương hiểu đúng, thống nhất về các bộ chỉ số, nhóm chỉ số, chỉ số thành phần, các mục tiêu, đề cương kèm biểu mẫu báo cáo và Công bố đầy đủ các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2019.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo kết quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019 trên địa bàn tỉnh ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ(b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;(b/c);
- Phòng TM&CN Việt Nam (b/c);
- TT Tỉnh ủy(b/c)
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCTUBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh (LĐ, các phòng ND);
- Lưu VT, TH (V.Hải) 15b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh

